TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 27 tháng 09 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 09 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 09 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Các đương sự tự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận: Chị M được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 11/12/2017 (hiện nay đang ở với chị M). Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N không thi hành hết số tiến cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M nhận nộp thay cho anh N là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000186 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

HÀ MINH LỰC